TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 554/2024/DS-PT
Ngày: 16/9/2024
V/v tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2024/TLPT-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 519/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tấn T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số E, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Dương Minh T1, sinh năm 1988; địa chỉ: G, đường Cái Môn, tổ F, ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2024).

- Bị đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số A, tổ D, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1972; địa chỉ: C, đường C, tổ C, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2024).

3. Người kháng cáo: Ông Võ Văn D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Tấn T do anh Dương Minh T1 đại diện trình bày :

Ngày 27/11/2011, ông T cho ông D vay số tiền 1.435.000.000 đồng, có biên nhận, thỏa thuận khi nào ông T cần tiền thì ông D trả, không thỏa thuận lãi suất. Đến năm 2013, ông D nợ thêm số tiền không có biên nhận, hai bên chốt nợ là 1.700.000.000 đồng. Đầu năm 2014, ông T yêu cầu trả nợ nhưng ông D không trả. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 18/10/2014, ông D thừa nhận nợ số tiền trên và xin bớt, ông D đồng ý trả cho ông T nên số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng, ông D hứa hàng tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng đến nay ông D không trả. Nay, yêu cầu cá nhân ông D trả số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/10/2014 đến ngày 18/5/2022 là 91 tháng, mức lãi 0,83%/tháng, thành tiền 1.132.950.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 2.632.950.000 đồng và tính lãi cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Ông T không đồng ý các yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D.

Tại phiên tòa, ông Dương Minh T1 đại diện cho ông Trần Tấn T ý kiến : Thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thành đòi lại tài sản, yêu cầu cá nhân ông Võ Văn D trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Võ Văn D do anh Nguyễn Hồng T2 đại diện trình bày:

Ông D không đồng ý trả tiền cho ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng, lý do ông D không thiếu nợ ông T.

Trước đây, ông D mở Công ty trách nhiệm hữu hạn X) do bà Lê Kim L làm giám đốc (đã ngưng hoạt động từ năm 2012). Năm 2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn X có thế chấp tài sản cho Ngân hàng N1 – thành phố C, tỉnh Đồng Tháp như sau:

Thửa 555, 556, tờ bản đồ số 1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 274667, số vào sổ cấp GCN: CH00070, cấp ngày 14/4/2010 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Thửa 528, 530, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 236071, số vào sổ cấp GCN: CH00438, cấp ngày 27/9/2011 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 1606, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 048113, số vào sổ cấp GCN: H01580, cấp ngày 16/4/2009 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 557, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AM 364560, số vào sổ cấp GCN: H01299, cấp ngày 18/4/2008 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 531, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 340651, số vào sổ cấp GCN: CH00138, cấp ngày 27/8/2010 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 1329 tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 448442, số vào sổ cấp GCN: H01007/A4, cấp ngày 04/6/2007 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 176, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 374422, số vào sổ cấp GCN: H02086, cấp ngày 25/9/2007 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 178, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 374423, số vào sổ cấp GCN: H02087, cấp ngày 25/9/2007 do Lê Kim L và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 96, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AQ 049310, số vào sổ cấp GCN: H1697, cấp ngày 24/7/2014 do Trần Văn H đứng tên, đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Ông D và ông T muốn có tiền để hùn vốn kinh doanh, nên ông D và ông T thống nhất ông T giao quyền sử dụng đất thửa 2727, tờ bản đồ số 5, diện tích đất 660 m^2 tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 236469, số vào sổ cấp GCN : CH 00873, ngày 25/8/2011 do ông Trần Tấn T đứng tên.

Bà L vay tổng số tiền vay 4.000.0000.000 đồng, trong đó Ngân hàng trị giá diện tích đất 660 m^2, thửa 2727 của ông T số tiền 975.000.000đồng. Sau khi vay tiền thì số tiền 975.000.000đồng do ông D quản lý.

Do ông D nợ ông T số tiền 975.000.000đồng nên ông T tính lãi, hai bên chốt theo biên nhận ngày 27/11/2011, số tiền 1.435.000.000đồng, do chưa trả được nợ nên chốt nợ theo giấy nợ ngày 16/4/2012, số nợ vốn và lãi là 1.485.000.000đồng. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 18/10/2014, ông D đồng ý trả cho ông T số tiền 1.500.000.000 đồng. Số triền 975.000.000đồng đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 5/2014/QĐST-KDTM, ngày 28/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Hiện nay, còn nợ Ngân hàng N1 – thành phố C, Đồng Tháp số tiền 356.143.212đồng. Nay, ông D không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Trần Tấn T, ông D đồng ý trả cho ông T số tiền 356.143.212đồng.

Theo đơn phản tố ngày 10/8/2022 của ông Võ Văn D như sau:

Ông D yêu cầu ông T trả số tiền 509.566.000đồng, cụ thể :

1. Xe hiệu KIA mua và sửa 105.000.000đồng do 3 người hùn mua gồm: Võ Văn D, Trần Tấn T và Lê Tuấn Hoàng A. Trong quá trình làm ăn hùn vốn thì xe KIA giao cho ông T quản lý sử dụng và ông T bán cho người khác mà không báo và không trả tiền lại cho ông D. Yêu cầu ông T3 trả 1/3 giá trị bằng tiền chiếc xe là 35.000.000đồng.

2. Ông D đã ra tiền nộp chuyển mục đích sử dụng đất cho ông T với số tiền 165.000.000đồng. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 165.000.000đồng.

3. Ông D đã mang tiền đến Ngân hàng Dầu khí trả thay tiền cá nhân của ông T vay với số tiền 175.000.000đồng là tiền hùn kinh doanh làm ăn chung giữa ông D với ông T và ông Hoàng A. Yêu cầu ông T trả lại 1/3 số tiền là 58.300.000đồng.

4. Ông D đã đầu tư bơm cát, xây dựng mặt bằng vựa xoài trên đất của ông T để kinh doanh xoài số tiền 75.000.000đồng. Tài sản đầu tư vào hiện nay do ông T quản lý sử dụng trên đất của ông T. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 75.000.000 đồng.

5. Ông D đã xuất ra số tiền 40.000.000đồng và ông Hoàng A xuất ra số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000đồng đầu tư thuê vựa ở chợ Đ để cả 3 (ông T, ông D và Hoàng A) cùng kinh doanh. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị tiền là 16.600.000đồng.

6. Ông T đã ủy quyền cho ông Lê Thanh S đến lấy số tiền 70.000.000đồng. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 70.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ còn lại ba yêu cầu thể như sau:

1. Xe hiệu KIA mua và sửa 105.000.000đồng do 3 người hùn mua gồm: Võ Văn D, Trần Tấn T và Lê Tuấn Hoàng A. Trong quá trình làm ăn hùn vốn thì xe KIA giao cho ông T quản lý sử dụng và ông T bán cho người khác mà không báo và không trả tiền lại cho ông D. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị bằng tiền chiếc xe là 35.000.000đồng.

2. Ông D đã đầu tư bơm cát, xây dựng mặt bằng vựa xoài trên đất của ông T để kinh doanh xoài số tiền 75.000.000đồng. Tài sản đầu tư vào hiện nay do ông T quản lý sử dụng trên đất của ông T. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 75.000.000đồng.

3. Ông D đã xuất ra số tiền 40.000.000đồng và ông Hoàng A xuất ra số tiền 10.000.000đồng, tổng cộng 50.000.000đồng đầu tư thuê vựa ở chợ Đ để cả 3 (ông T, ông D và Hoàng A) cùng kinh doanh. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị tiền là 16.600.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N đại diện ông D ý kiến:

Ông D không đồng ý theo yêu cầu của ông T; ông D rút toàn bộ yêu cầu phản tố; ông D không yêu cầu hoặc tranh chấp gì đối với ông Lê Tấn Hoàng A1, Trịnh Văn T4, Trần Văn H trong vụ kiện này.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tấn T.

Buộc ông Võ Văn D có trách nhiệm trả cho ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D**.**

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho ông Võ Văn D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 6 năm 2024, ông Võ Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, không tự thỏa thuận được với bị đơn trong việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không tự thỏa thuận được với nguyên đơn trong việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của Võ Văn D. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn D đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Tấn T. Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngày 27/11/2011, ông T cho ông D vay số tiền 1.435.000.000đồng, có biên nhận, thỏa thuận khi nào ông T cần thì ông D trả lại, không thỏa thuận lãi suất. Đến năm 2013, ông D vay thêm tiền không có biên nhận, hai bên chốt nợ hai lần vay là 1.700.000.000đồng. Đầu năm 2014, ông T yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông D không trả. Ông T nộp đơn tố cáo gửi cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản ngày 18/10/2014 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thể hiện ông D đồng ý trả cho ông T số tiền 1.500.000.000đồng. Ông D hẹn đến ngày 30/12/2014 sẽ thanh toán nợ cho ông T lần đầu tiên là 100.000.000đồng, sau đó hàng tháng sẽ tiếp tục trả 100.000.000đồng. Ông D trình bày là số tiền nkys nợ theo biên bản làm việc của Công an huyện T là có số tiền vay ngân hàng 975.000.000 đồng và biên bản ký tại Công an huyện T ông ký là do hay tin mẹ ông D bệnh, ông D muốn về sớm để giải quyết việc gia đình nên ông D ký tên vào biên bản ngày 18/10/2014, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, biên bản ngày 18/10/2014 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp thể hiện "*Ngoài ra, số tiền vay ngân hàng là 975.000.000 tôi sẽ tiếp tục đóng lãi cho đến khi nào thanh toán xong tiền nợ ngân hàng".* Theo như biên bản ngày 18/10/2014 thì ông D nợ ông T hai khoản nợ riêng biệt, khoản nợ 1.500.000.000đồng và khoản nợ 975.000.000 đồng. Khoản nợ 975.000.000đồng đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 05/2014/QĐST-KDTM, ngày 28/02/2014. Ông D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ để chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn D nên ông Võ Văn D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Nhưng ông D được miễn nộp do là người cao tuổi.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn D.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn T.

Buộc ông Võ Văn D có trách nhiệm trả cho ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Tấn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn D được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP. Cao Lãnh;
- CCTHADS TP. Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T).

Huỳnh Thanh Mỹ